



zhū wǎng

蛛网

noun · spider web

Example Sentences

Qiáng jiǎo yǒu yī gè zhū wǎng

墙角有一个蛛网。

There is a spider web in the corner.

Zhū wǎng shàng zhān mǎn le lù shuǐ

蛛网上沾满了露水。

The spider web is covered with dew.

Tā xiǎo xīn de bì kāi zhū wǎng

他小心地避开蛛网。

He carefully avoided the spider web.

Trace each character, then write the word on your own.

蛛	蛛	蛛	蛛	蛛	蛛	蛛	蛛	蛛	蛛	蛛
蛛	蛛	蛛	蛛							
网	网	网	网	网	网	网	网	网		